

UBND TỈNH SƠN LA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ



GIÁO TRÌNH
DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN
NGÀNH: DƯỢC
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDKT ngày tháng năm.....
của Trường Cao đẳng Y tế Sơn La)*

Sơn La, năm 2023

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Thực hiện một số điều theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 11/3/2017 của Bộ lao động, Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp trình độ cao đẳng, Trường Cao đẳng Y tế Sơn La đã tổ chức biên soạn tài liệu dạy/học một số môn cơ sở và chuyên ngành theo chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng nhằm từng bước xây dựng bộ tài liệu chuẩn trong công tác đào tạo.

Với thời lượng học tập 90 giờ; (28 giờ lý thuyết; 58 giờ thực hành, 4 giờ kiểm tra).

Môn Dược học cổ truyền giảng dạy cho sinh viên với mục tiêu:

- Cung cấp những kiến thức cơ bản của lý luận y học cổ truyền.
- Hướng dẫn sử dụng thuốc y học cổ truyền và tiến hành chế biến được các vị thuốc y học cổ truyền thông thường.

Nội dung của giáo trình bao gồm các bài sau:

Lý thuyết

Bài 1. Sơ lược về sự hình thành nền y học cổ truyền Việt Nam

Bài 2. Một số học thuyết y học cổ truyền

Bài 3. Phép tắc trị bệnh và nội dung phương thuốc y học cổ truyền

Bài 4. Đại cương về thuốc y học cổ truyền

Bài 5. Phân loại thuốc y học cổ truyền

Bài 6. Đại cương chế biến thuốc theo phương pháp y học cổ truyền

Bài 7. Chế biến một số vị thuốc theo phương pháp y học cổ truyền

Thực hành

Bài 1. Chế biến Thảo quyết minh theo phương pháp y học cổ truyền

Bài 2. Chế biến Hương phụ theo phương pháp y học cổ truyền

Bài 3. Phương pháp trích mật

Bài 4. Chế biến Hà thủ ô đỏ theo phương pháp y học cổ truyền

Bài 5. Bào chế chè thuốc theo phương pháp y học cổ truyền

Bài 6. Bào chế siro ho theo phương pháp y học cổ truyền

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã tham khảo và trích dẫn từ nhiều tài liệu được liệt kê tại mục Danh mục tài liệu tham khảo. Chúng tôi chân thành cảm ơn các tác giả của các tài liệu mà chúng tôi đã tham khảo.

Bên cạnh đó, giáo trình cũng không thể tránh khỏi những sai sót nhất định. Nhóm tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, phản hồi từ quý đồng nghiệp, các bạn người học và bạn đọc.

Trân trọng cảm ơn./.

Sơn La, ngày tháng năm 2021

Tham gia biên soạn

1. Chủ biên: Ds Đỗ Thị Ngà

2. Thành viên:

TaiLieu.vn

MỤC LỤC

LÝ THUYẾT	13
BÀI 1. SƠ LƯỢC VỀ SỰ HÌNH THÀNH NỀN Y HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM.....	14
BÀI 2. MỘT SỐ HỌC THUYẾT Y HỌC CỔ TRUYỀN	19
BÀI 3. PHÉP TẮC TRỊ BỆNH VÀ NỘI DUNG PHƯƠNG THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN	30
BÀI 4. ĐẠI CƯƠNG VỀ THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN	40
BÀI 5. PHÂN LOẠI THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN.....	49
BÀI 6. ĐẠI CƯƠNG CHẾ BIẾN THUỐC THEO PHƯƠNG PHÁP Y HỌC CỔ TRUYỀN	131
BÀI 7. CHẾ BIẾN MỘT SỐ VỊ THUỐC THEO PHƯƠNG PHÁP Y HỌC CỔ TRUYỀN	151
THỰC HÀNH	158
BÀI 1. CHẾ BIẾN THẢO QUYẾT MINH THEO PHƯƠNG PHÁP Y HỌC CỔ TRUYỀN	162
BÀI 2. CHẾ BIẾN HƯƠNG PHỤ THEO PHƯƠNG PHÁP Y HỌC CỔ TRUYỀN	166
BÀI 3. PHƯƠNG PHÁP TRÍCH MẬT.....	172
BÀI 4. CHẾ BIẾN HÀ THỦ Ô ĐỎ THEO PHƯƠNG PHÁP Y HỌC CỔ TRUYỀN	176
BÀI 5. BÀO CHẾ CHÈ THUỐC THEO PHƯƠNG PHÁP Y HỌC CỔ TRUYỀN	180
BÀI 6. BÀO CHẾ SIRO THUỐC THEO PHƯƠNG PHÁP Y HỌC CỔ TRUYỀN	184

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

1. Tên môn học: Dược học cổ truyền

2. Mã môn học: 440125

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ; (28 giờ lý thuyết; 58 giờ thực hành, 4 giờ kiểm tra)

3. Vị trí, tính chất của môn học:

3.1. Vị trí: Môn Dược học cổ truyền nằm trong khối kiến thức chuyên ngành.

3.2. Tính chất: Môn học này cung cấp cho người học có kỹ năng cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên có kiến thức cốt lõi của lý luận y học cổ truyền, vận dụng được trong việc phân loại và chế biến thuốc y học cổ truyền theo đúng phương pháp. Đồng thời giúp người học hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành tại phòng thực tập, áp dụng được những kiến thức vào các môn học khác cũng như công tác hướng dẫn sử dụng thuốc. Qua đó, người học đang học tập tại trường sẽ: (1) có bộ giáo trình phù hợp với chương trình đào tạo của trường; (2) dễ dàng tiếp thu cũng như vận dụng các kiến thức và kỹ năng được học vào môi trường học tập và thực tế nghề nghiệp.

3.3. Ý nghĩa và vai trò của môn học: Dược học cổ truyền là môn học chuyên môn ngành cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương cơ bản về thuốc y học cổ truyền và một số cách chế biến thuốc theo phương pháp cổ truyền. Đồng thời giúp người học hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong học tập và thực hành nghề nghiệp.

4. Mục tiêu môn học:

4.1. Về kiến thức

A1. Trình bày được đại cương về Y học cổ truyền và đại cương về thuốc y học cổ truyền, cách phân loại thuốc cổ truyền.

A2. Trình bày được cách chế biến thuốc theo phương pháp cổ truyền.

4.2. Về kỹ năng

B1. Phân biệt được các thuốc cổ truyền theo nhóm tác dụng chữa bệnh;

B2. Chế biến thuốc theo phương pháp cổ truyền.

4.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

C1. Thể hiện được năng lực tự học, tự nghiên cứu trong công tác chuyên môn và trong cách chế biến thuốc theo phương pháp cổ truyền.

C2. Chịu trách nhiệm về kết quả học tập của bản thân, sự chính xác trong công tác hướng dẫn sử dụng thuốc sau này.

5. Nội dung môn học

5.1. Chương trình khung

Mã MH	Tên môn học,	Số tín	Thời gian học tập (giờ)	
			Tổng	Trong đó

		chỉ	số	Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung/đại cương	22	435	156	256	23
420101	Chính trị	4	75	41	29	5
420102	Tiếng anh	6	120	42	72	6
420103	Tin học	3	75	15	58	2
420104	Giáo dục thể chất	2	60	4	52	4
420105	Giáo dục quốc phòng - an ninh	5	75	36	35	4
420106	Pháp luật	2	30	18	10	2
II	Các môn học chuyên môn ngành, nghề	101	2370	796	1453	121
II.1	Môn học cơ sở	24	495	199	269	27
420107	Sinh học	2	45	14	29	2
420108	Xác suất thống kê	2	45	14	29	2
420109	Giải phẫu – Sinh lý	4	75	43	26	6
420110	Hóa sinh	2	30	28	0	2
420111	Hóa đại cương vô cơ	4	90	23	63	4
420112	Hóa hữu cơ	3	60	20	36	4
420113	Vi sinh – Ký sinh trùng	3	60	29	28	3
420114	Hóa phân tích	4	90	28	58	4
II.2	Môn học chuyên môn, ngành nghề	59	1500	441	992	67
420115	Pháp chế Dược	3	60	28	26	6
420116	Thực vật dược	4	75	43	28	4

420117	Bào chế	5	105	43	58	4
420118	Hóa dược	5	105	43	58	4
420119	Dược liệu	5	105	43	58	4
420120	Kiểm nghiệm	5	105	43	58	4
420121	Dược lý I	2	30	28	0	2
420122	Dược lý II	5	105	43	58	4
420123	Tổ chức quản lý dược	3	60	28	26	6
420124	Quản lý tồn trữ thuốc	2	30	28	0	2
420125	Dược học cổ truyền	4	90	28	58	4
420126	Dược lâm sàng	6	180	43	130	7
420127	Thực hành nghề nghiệp 1	5	225		217	8
420128	Thực hành nghề nghiệp 2	5	225		217	8
II.3	Môn học tự chọn	18	375	156	192	27
	Nhóm 1	18	375	156	192	27
420129	Bệnh học	4	75	43	28	4
420130	Anh văn chuyên ngành	2	45	15	28	2
420131	Marketing Dược	2	45	14	26	5
420132	Kinh tế dược	2	45	14	26	5
420133	Kỹ năng giao tiếp bán hàng	4	90	28	58	4
420134	Quản trị kinh doanh dược	2	45	14	26	5
420135	Đảm bảo chất lượng thuốc	2	30	28	0	2
	Nhóm 2	18	375	156	192	27
420129	Bệnh học	4	75	43	28	4

420130	Anh văn chuyên ngành	2	45	15	28	2
420131	Đạo đức hành nghề Dược	2	30	28	0	2
420132	Một số dạng bào chế đặc biệt	2	45	14	26	5
420133	Kỹ năng giao tiếp bán hàng	4	90	28	55	7
420134	Thực hành Dược khoa	2	60	0	55	5
420135	Đảm bảo chất lượng thuốc	2	30	28	0	2
Tổng cộng chung		123	2805	952	1709	144

5.2. Chương trình chi tiết môn học

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
Lý thuyết					
1	Bài 1. Sơ lược về sự hành thành nền y học cổ truyền Việt Nam	2	2		
2	Bài 2. Một số học thuyết y học cổ truyền	6	6		
3	Bài 3. Phép tắc trị bệnh và nội dung phương thuốc y học cổ truyền	10	4	6	
4	Bài 4. Đại cương về thuốc y học cổ truyền	3	2		1
5	Bài 5. Phân loại thuốc y học cổ truyền	28	8	20	
6	Bài 6. Đại cương chế biến thuốc theo phương pháp y học cổ truyền	3	3		

7	Bài 7. Chế biến một số vị thuốc theo phương pháp y học cổ truyền	4	3		1
Thực hành					
1	Bài 1. Chế biến Thảo quyết minh theo phương pháp y học cổ truyền	4		4	
2	Bài 2. Chế biến Hương phụ theo phương pháp y học cổ truyền	8		8	
3	Bài 3. Phương pháp trích mật	4		4	
4	Bài 4. Chế biến Hà thủ ô đỏ theo phương pháp y học cổ truyền	8		8	
5	Bài 5. Bào chế chè thuốc theo phương pháp y học cổ truyền	4		4	
6	Bài 6. Bào chế siro ho theo phương pháp cổ truyền	6		4	2
Tổng		90	28	58	4

6. Điều kiện thực hiện môn học:

6.1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn

6.2. Trang thiết bị dạy học: Máy vi tính, máy chiếu projector, phấn, bảng.

6.3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình.

6.4. Các điều kiện khác: mạng Internet.

7. Nội dung và phương pháp đánh giá:

7.1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

7.2. Phương pháp:

7.2.1. Cách đánh giá

- Áp dụng quy chế đào tạo Cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2017/TT-LĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo áp dụng tại Trường Cao đẳng Y tế Sơn La như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

7.2.2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá	Phương pháp tổ chức	Hình thức kiểm tra	Chuẩn đầu ra đánh giá	Số cột	Thời điểm kiểm tra
Thường xuyên	Viết	Tự luận	A1, A2, B1, B2, C1, C2	1	Sau 20 giờ. (sau khi học xong bài 4)
Định kỳ	Viết	Tự luận/ Thực hành	A1, A2, B1, B2,	2	Sau 88 giờ (sau khi học xong bài 7, bài 6 thực hành)
Kết thúc môn học	Viết/ thực hành	Tự luận cải tiến/ thực hành	A1, A2, B1, B2, C1, C2	2	Sau 90 giờ

7.2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân.

8. Hướng dẫn thực hiện môn học

8.1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Môn học được áp dụng cho đối tượng sinh viên Cao đẳng Dược hệ chính quy học tập tại Trường CDYT Sơn La.

8.2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

8.2.1. Đối với người dạy

+ Lý thuyết: Thuyết trình, động não, thảo luận nhóm, làm việc nhóm, giải quyết tình huống.

+ Thực hành, bài tập: Thực hiện các thao tác mẫu.

+ Hướng dẫn tự học theo nhóm: Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

8.2.2. Đối với người học: Người học phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi người học vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 70% các buổi giảng lý thuyết. Nếu người học vắng >30% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 người học sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi người học sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc môn học.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Tài liệu tham khảo:

[1] Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2018), Thông tư số 54/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc quy định khối lượng kiến thức tối thiểu yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực sức khỏe và dịch vụ xã hội.

[2] Bộ Y tế (2006), *Dược học cổ truyền*, NXB Y học, Hà Nội.

[3] *Dược điển Việt Nam III*.

[4] Đỗ Tất Lợi (2003), *Những cây thuốc vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học, Hà Nội.

LÝ THUYẾT

Bài 1. SƠ LƯỢC VỀ SỰ HÌNH THÀNH NỀN Y HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

□ GIỚI THIỆU BÀI 1

Bài 1 là bài giới thiệu sơ lược về nền y học cổ truyền Việt Nam thông qua thực tiễn nhiều đời, các kinh nghiệm được đúc kết thành lý luận được vận dụng trong nền y học trong mọi lĩnh vực, để người học có được kiến thức nền tảng và vận dụng được kiến thức đã học trong học tập và thực hành nghề nghiệp.

□ MỤC TIÊU BÀI 1

Sau khi học xong bài này, người học có khả năng:

- **Về kiến thức:**
 - Trình bày được các đặc điểm của nền y học cổ truyền Việt Nam trong từng thời kỳ.
 - Phân tích được sự phát triển nền y học cổ truyền trong từng thời kỳ.
- **Về kỹ năng:**
 - Chỉ ra được tính ưu việt của y học cổ truyền Việt Nam từ năm 1945 đến nay.
 - Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành nghề nghiệp.
- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**
 - Thể hiện được năng lực tự học, tự nghiên cứu về nền y học cổ truyền Việt Nam.
 - Chủ động thực hiện được việc tự học, nghiên cứu trong công tác chuyên môn và trong thực tập nghề nghiệp.

□ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP BÀI 1

- *Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập bài 1 (cá nhân hoặc nhóm).*
- *Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (Bài 1) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận bài 1 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.*

▪ **ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN BÀI 1**

- *Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết*
- *Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác*
- *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.*
- *Các điều kiện khác: Không có*

▪ **KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ BÀI 1**

- **Nội dung:**
 - *Kiến thức: Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức*
 - *Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.*

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:*
 - + *Nghiên cứu bài trước khi đến lớp*
 - + *Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.*
 - + *Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.*
 - + *Nghiêm túc trong quá trình học tập.*
- **Phương pháp kiểm tra đánh giá:**
 - *Điểm kiểm tra thường xuyên: không có*
 - *Kiểm tra định kỳ lý thuyết: không có*

TaiLieu.vn

NỘI DUNG BÀI 1

1. Giới thiệu

Nền y học cổ truyền được bắt nguồn từ một nền y học dân gian phong phú. Thông qua thực tiễn nhiều đời, các kinh nghiệm được đúc kết thành lý luận phong phú. Do vậy có thể khẳng định rằng đây là một nền y học của dân, do dân và vì dân. Nó có tính chất quần chúng rộng rãi, tính sáng tạo và tính nhân đạo sâu sắc. Nó tiếp thu tinh hoa của nền y học nước ngoài, trong đó công đầu phải kể đến Đại y tôn Hải Thượng Lãn Ông người đã có công Việt Nam hóa nền y học cổ truyền Trung hoa vào Việt Nam. Chính ông là một tài năng đã đúc kết và sáng tạo cái di sản quý báu vừa mang sắc thái phi vật thể và vật thể của nền y học cổ truyền Việt Nam. Nền y học cổ truyền Việt Nam dưới ánh sáng của các Nghị quyết của Đảng cộng sản Việt Nam và được sự quan tâm của Bác Hồ vĩ đại, đã ngày càng được phát triển mạnh mẽ.

2. Y học cổ truyền Việt Nam thời thượng cổ

Từ thời Hồng Bàng và các vua Hùng 2879-257 trước công nguyên, vào trước những năm 1110 trước công nguyên, đã có tục ăn trầu (nhai trầu với cau, vôi và rễ vò) đồng thời có tục lệ nhuộm răng đen bằng cánh kiến đỏ, vỏ lựu, ngũ bội tử.

Phong tục ăn trầu, nhuộm răng còn có mục đích bảo vệ răng miệng, làm chắc răng, thơm miệng, tránh sâu răng, lại làm ẩm cơ thể nở nang cơ mặt, làm da mặt hồng hào tươi tắn. Biết dùng gừng, tỏi, ớt làm gia vị ăn hàng ngày vừa giúp cho việc tiêu hóa tốt, lại vừa giúp cho việc phòng các bệnh đường ruột.

Cuối thế kỷ III trước công nguyên ở Việt Nam người Giao Chỉ đã phát hiện các cây thuốc như: Sắn dây, Gừng, Riềng, Đậu khấu, Ích trí, Lá lốt, Sả, Quế, Quan âm, Vông nem... Biết nấu rượu để làm thuốc.

3. Y học cổ truyền từ năm 179 (trước CN) đến năm 938 (sau CN)

Trong thời gian này người Trung Quốc đã lấy nhiều vị thuốc của chúng ta đem về nước như Ý dĩ, Sứ quân tử, Hoắc hương, Đậu khấu, Sắn dây, Sả, ... Đồng thời nhiều thầy thuốc Trung Quốc cũng sang Việt Nam để hành nghề chữa bệnh. Thân Quang Tôn đã chữa bệnh buốt óc của Tôn Trọng Ngạc bằng Gừng khô, Hồ tiêu. Qua những sự kiện trên chứng tỏ rằng sự giao lưu y học cổ truyền giữa Việt Nam và Trung Quốc cũng đã có từ lâu.

4. Y học cổ truyền từ năm 983 đến năm 1884

4.1. Y học cổ truyền dưới các triều Ngô, Đinh, Lê, Lý (938-1224)

Năm 938 nền độc lập của nhà nước phong kiến Việt Nam được thiết lập mở đầu là nhà Ngô, tiếp theo đó là nhà Đinh, Lê, Lý. Song dưới các triều đại này chưa từng thấy tài liệu ghi chép về tổ chức y tế.

Đến nhà Lý nước ta có nhiều thầy thuốc chuyên nghiệp. Ở triều đình đã có Ty thái y. Trong đó có ngự y chuyên chăm sóc sức khỏe cho vua. Năm 1136 vua Lý Thần Tông phát bệnh điên cuồng, mình mọc lông dài, miệng gào thét đã được Minh Không thiền sư chữa khỏi bằng cách tắm nước bồ hòn.

4.2. Y học cổ truyền dưới triều nhà Trần (1225-1399)

Trong thời kỳ này y học cổ truyền có 1 số đặc điểm sau:

- Có viện thái y với chức năng chăm lo sức khỏe cho vua quan trong triều đình, đồng thời có nhiệm vụ quản lý y tế trong cả nước.

- Từ năm 1261 nhà Trần đã mở khóa thi để tuyển lương y vào làm việc ở Viện thái y. Viện thái y đã chỉ đạo việc đào tạo thầy thuốc và có kế hoạch thu trữ cấp phát dược liệu, phục vụ chữa bệnh cho vua quan và quân đội. Song song với việc dùng thuốc, việc chữa bệnh bằng châm cứu cũng được tin dùng hơn trước.

Dưới thời nhà Trần xuất hiện một số thầy thuốc tiêu biểu:

- Phạm Công Bân (Cẩm Bình - Hải Dương)

- Tuệ Tĩnh còn gọi là Nguyễn Bá Tĩnh một tiến sĩ hoàng giáp, một nhà sư và là một lương y nổi tiếng đã đề xuất “thuốc Nam Việt chữa người Nam Việt” ông đã biên soạn cuốn Nam dược thần hiệu với 499 vị thuốc và các phương thuốc nam chữa 184 loại bệnh.

4.3. Y học cổ truyền thời nhà Hồ và thời thuộc Minh (1400-1427)

Trong thời kỳ này, triều đình có chủ trương chữa bệnh rộng rãi cho dân. Trong thời kỳ này có Nguyễn Đại Năng (Hải Dương) giữ chức tá nhị ở Viện thái y, ông đã biên soạn Châm cứu tiếp hiệu diễn ca, vận dụng 120 huyệt để chữa nhiều bệnh hiểm nghèo (sốt rét, động kinh).

4.4. Y học cổ truyền dưới triều Lê (1428-1788)

Dưới triều Lê, Lê Nhân Tông chú trọng phát triển nền y học cổ truyền nước ta. Trong thời kỳ này có các lương y nổi tiếng như:

- Nguyễn Trục chuyên chữa về bệnh trẻ em bằng xoa bóp, bấm huyệt, đốt bấc; có các phương pháp trị bệnh sỏi, đậu mùa.

- Chu Doãn Văn (Thanh Trì) có các y án trị bệnh ngoại cảm.

- Hoàng Đôn Hòa (Thanh Oai-Hà Tây) đã thành công trong việc dùng thuốc hoàn chế sẵn và dược liệu trồng tại chỗ để chữa bệnh đặc biệt là bệnh sốt rét và thổ tả.

Đặc biệt trong thời kỳ này, nổi bật lên như một ngôi sao sáng trong nền y học cổ truyền Việt Nam đó là danh y Lê Hữu Trác (1720-1791) Hải Thượng Lãn Ông (Hưng Yên). Ông đã để lại một pho kinh nghiệm quý báu, đúc rút qua nhiều thế hệ của các nhà y học cổ truyền trong và ngoài với bộ sách khổng lồ Lãn Ông tâm lĩnh sau đổi thành Hải thượng y tông tâm lĩnh 28 tập, 66 quyển để phổ cập đào tạo thầy thuốc, lưu truyền cho hậu thế.

4.5. Y học cổ truyền dưới triều Tây sơn (1789-1802)

Kết quả của sự chia cắt đất nước lâu dài (Trịnh-Nguyễn phân tranh) làm nhân dân vô cùng khốn khổ, bệnh tật phát triển, thái y viện đã tăng cường việc chống dịch ở các địa phương. Đã thành lập Nam dược cục, mời các lão y về nghiên cứu thuốc Nam, đứng đầu là lương y Nguyễn Hoành (Thanh Hóa) ông đã biên soạn 500 vị thuốc cỏ cây ở địa phương.

4.6. Y học cổ truyền dưới triều Nguyễn (1802-1905)

Nhà Nguyễn dựa vào Pháp lập các Tế sinh đường ở các tỉnh đổi thành Ty lương y. Những người tàn tật nghèo khổ được nuôi dưỡng ở Dưỡng tế sự ở các tỉnh. Viện thái y có quy định cụ thể các chức vụ như bào chế, kiểm tra, đóng gói, sắc thuốc,

Nhà Nguyễn có đặt quy chế riêng về nghề y, trừng phạt các thầy thuốc chữa sai gây tử vong hoặc cố tình gây nguy hiểm cho người bệnh.

5. Y học cổ truyền dưới thời Pháp thuộc (1884-1945)

Sau khi chiếm được nước ta, người Pháp tổ chức y tế nước ta theo cách tây y. Có các nhà thương ở thành phố, bệnh xá ở các tỉnh lỵ, lúc đầu đều cho thầy thuốc nhà binh phụ trách. Từ 1905 các bệnh viện, bệnh xá do giám đốc y tế của 3 kỳ lãnh đạo dưới quyền thanh tra y tế Đông Dương. Các Ty lương y ở Nam triều bị giải tán. Y học cổ truyền không còn nằm trong hệ thống y tế nhà nước. Tuy vậy những người dân nghèo khổ đa phần ở nông thôn và miền núi vẫn phải chữa bệnh bằng y học cổ truyền. Y học cổ truyền bị thực dân Pháp chèn ép đè nén. Pháp hạn chế số người hành nghề y học cổ truyền, ở Nam bộ cấp thẻ môn bài không quá 500 người hành nghề y học cổ truyền. Mặc dù vậy y học cổ truyền vẫn cố gắng tìm cách hoạt động để giữ gìn vốn quý của cha ông. Ví dụ: Hội y học Trung Kỳ thành lập ngày 14/9/1936, đã phát hành 46 số tạp chí y học.

6. Y học cổ truyền Việt Nam từ sau cách mạng tháng 8 năm 1945 đến nay

Sau khi giành được chính quyền Bác Hồ và Đảng ta đã quan tâm đến nền y học cổ truyền. Trong thư gửi cán bộ y tế 27/2/1955 Bác Hồ có viết *“Y học phải dựa trên nguyên tắc khoa học, dân tộc, đại chúng. Ông cha ta ngày trước có nhiều kinh nghiệm quý báu về cách chữa bệnh bằng thuốc Ta, thuốc Bắc. Để mở rộng phạm vi y học các cô, các chú cũng nên chú trọng nghiên cứu và phối hợp thuốc Đông và thuốc Tây”*. Cùng với đó là đoạt các chỉ thị ra đời

Cho đến năm 2005 các tỉnh thành phố đều có Bệnh viện y học dân tộc.

Hiện nay để có đủ thuốc cổ truyền phục vụ cho việc điều trị bệnh ở các tuyến, nhất là tuyến cơ sở.

Bộ Y tế chủ trương việc trồng cây thuốc tiến hành theo các hướng: vừa trồng cây thuốc, kết hợp với cây ăn quả, cây làm cảnh, cây rau ăn; và nhất thiết phải đưa lại lợi ích kinh tế cho người dân; đây cũng là hướng đưa lại công ăn việc làm cho người dân, cải thiện đời sống cho dân, góp phần xóa đói giảm nghèo cho nhân dân.

Tóm lại dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam với phương châm đúng đắn của Bộ Y tế chúng ta sẽ vươn tới một nền y tế Việt Nam có tiền đồ rực rỡ. Nhất là trong giai đoạn hiện nay Nhà nước đã có Chính sách thuốc quốc gia về y học cổ truyền và chiến lược hiện đại hóa nền y học cổ truyền Việt Nam. Đó là những điều kiện tiếp sức, làm đà cho y học cổ truyền Việt Nam phát triển trong thế kỷ 21.

CÂU HỎI LƯỢNG GIÁ

Câu 1. So sánh sự phát triển nền y học cổ truyền theo từng thời kỳ?

Câu 2. Trình bày được các đặc điểm của nền y học cổ truyền Việt Nam trong từng thời kỳ?

Bài 2. MỘT SỐ HỌC THUYẾT Y HỌC CỔ TRUYỀN

□ GIỚI THIỆU BÀI 2

Bài 2 là bài giới thiệu một số học thuyết được ứng dụng trong nền y học cổ truyền, giúp người học có được kiến thức nền tảng và vận dụng được kiến thức đã học trong học tập và thực hành nghề nghiệp.

□ MỤC TIÊU BÀI 2

Sau khi học xong bài này, người học có khả năng:

- **Về kiến thức:**
 - Trình bày được nội dung cơ bản của học thuyết âm dương, thuyết ngũ hành.
 - Chỉ ra sự vận dụng, ý nghĩa của thuyết âm dương, thuyết ngũ hành trong YHCT.
 - Trình bày được sự vận dụng thuyết âm dương vào đông dược.
- **Về kỹ năng:**
 - Vận dụng được thuyết học âm dương để chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh trong YHCT.
 - Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành nghề nghiệp.
- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**
 - Thể hiện được năng lực tự học, tự nghiên cứu về nền y học cổ truyền Việt Nam.
 - Chủ động thực hiện được việc tự học, nghiên cứu trong công tác chuyên môn và trong thực tập nghề nghiệp.

□ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP BÀI 2

- *Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập bài 2 (cá nhân hoặc nhóm).*

- *Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (Bài 2) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận bài 2 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.*

□ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN BÀI 2

- *Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:* Phòng học lý thuyết
- *Trang thiết bị máy móc:* Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác
- *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:* Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.
- *Các điều kiện khác:* Không có

□ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ BÀI 2

- **Nội dung:**

- *Kiến thức: Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức*
- *Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.*
- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:*
 - + *Nghiên cứu bài trước khi đến lớp*
 - + *Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.*
 - + *Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.*
 - + *Nghiêm túc trong quá trình học tập.*
- **Phương pháp kiểm tra đánh giá:**
 - *Điểm kiểm tra thường xuyên: không có*
 - *Kiểm tra định kỳ lý thuyết: không có*